

# GIẢI BÀI TẬP NGỮ VĂN 7 ĐẠI TỪ

## I. Đại từ là gì?

### Câu 1:

Nó trong đoạn văn (1) trở em tôi còn nó trong đoạn văn (2) trở con gà của anh Bốn Linh. Để biết được nghĩa của các từ nó này, người ta phải căn cứ vào ngữ cảnh nói, căn cứ vào các câu đứng trước hoặc sau câu có chứa từ này.

### Câu 2:

Từ "thế" ở đoạn văn thứ ba trở việc "đem chia đồ chơi ra đi", chúng ta biết được nhờ vào đoạn văn đứng trước đó.

### Câu 3:

Câu ca dao "Ai làm cho bể kia đầy, Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?" dùng với mục đích hỏi, từ ai trong trường hợp này được dùng để hỏi.

### Câu 4:

Từ nó trong đoạn văn (1), ai trong bài ca dao làm chủ ngữ; nó trong đoạn văn (2) làm phụ ngữ cho danh từ, thế làm phụ ngữ cho động từ.

## II. Phân loại đại từ

Các loại đại từ. Có hai loại:

### a. Đại từ để trở.

- Trở người, trở sự vật (đại từ xưng hô); nó, họ, hắn...
- Trở số lượng: bát, bấy nhiêu...
- Trở hoạt động, tính chất sự việc: thế vậy...

### b. Đại từ để hỏi.

- Hỏi về số lượng, sự vật: hỏi ai? Cái gì?
- Hỏi về số lượng: bao nhiêu?
- Hỏi về hoạt động, tính chất sự việc: như thế nào? Sao?

## III. Luyện tập

### Câu 1:

a. Xếp các đại từ đã nhắc đến ở mục trên vào bảng dưới đây:

Số ngôi	Số ít	Số nhiều
1	Tôi	Chúng tôi
2	Mày	Chúng mày
3	Nó, hắn	Chúng nó, họ

b. Mình trong câu (a) trở bản thân người nói (viết), thuộc ngôi thứ nhất số ít; mình trong hai câu ca dao trở người nghe (đọc), thuộc ngôi thứ hai.



**Câu 2:**

Tham khảo các ví dụ sau:

- Cháu chào bác ạ!
- Cháu mời ông bà xơi cơm.
- Anh cho em hỏi bài toán này nhé!
- Hôm nay, mẹ có đi làm không?

- Cô chờ ai đấy?

### **Câu 3:**

Dựa vào các trường hợp sử dụng đại từ trở chung ở các câu trên. Lưu ý, các đại từ trở chung không biểu thị riêng một đối tượng nào cả, chẳng hạn:

- Ai mà chẳng thích được ngợi khen.
- Làm sao mà tôi biết được bạn đang nghĩ gì.
- Ta quý mến bạn bao nhiêu bạn sẽ quý mến ta bấy nhiêu.

### **Câu 4:**

Với các bạn cùng lớp, cùng tuổi, nên dùng các từ xưng hô như: tôi, bạn, mình,... để xưng hô cho lịch sự. Hiện tượng xưng hô thiếu lịch sự hiện vẫn còn khá phổ biến ở trường và ở lớp. Với những trường hợp ấy cần góp ý để các bạn xưng hô với nhau một cách lịch sự hơn.

### **Câu 5:**

Sự khác nhau về số lượng và ý nghĩa biểu cảm giữa xưng hô trong tiếng Việt với đại từ xưng hô trong tiếng Anh.

- Về số lượng
- Từ xưng hô trong tiếng Việt nhiều và phong phú hơn từ xưng hô trong tiếng Anh. Ví dụ: Ngôi thứ hai trong tiếng Anh chỉ có hai từ, số ít you và số nhiều cũng you – Tiếng Việt ngôi thứ hai có rất nhiều từ để xưng hô: anh, em, cậu, bác, chú, dì, mình, chàng, thiếp... tùy vào từng trường hợp hoàn cảnh cụ thể.
- Ý nghĩa biểu cảm:
  - + Tiếng Việt ý nghĩa biểu cảm đa dạng hơn, tinh tế hơn.
  - + VD: Con trai lớn hơn tuổi: Anh (tiếng việt), you (tiếng anh); con trai nhỏ hơn tuổi: Em (tiếng việt), you (tiếng anh); ...